

tiền mặt một cách nghiêm trọng thì lập biên bản báo cáo với cấp ủy và chính quyền địa phương, và có thể đề nghị áp dụng kỷ luật đối với đơn vị đó theo điều 10 của Nghị định số 15-CP ngày 31-5-1960 của Hội đồng Chính phủ đã ban hành, đồng thời báo cáo về Ngân hàng trung ương và Bộ Nông trường biết.

Vụ Kế toán Tài vụ Bộ Nông trường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra đôn đốc theo dõi các đơn vị thuộc Bộ Nông trường để uốn nắn kịp thời những thiếu sót, lệch lạc trong việc chấp hành chính sách quản lý tiền mặt.

Cuối mỗi tháng, mỗi quý, Thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền phải kiểm tra tồn quỹ tiền mặt và báo cáo tình hình chấp hành chính sách quản lý tiền mặt trong đơn vị mình về Bộ Nông trường đồng gửi cho Ngân hàng nơi đơn vị mở tài khoản biết để theo dõi.

Ngân hàng các cấp và các đơn vị thuộc Bộ Nông trường có trách nhiệm hợp nghiên cứu kỹ nội dung, tính thần thông tư này, bản biện pháp cụ thể đề thi hành và báo cáo kết quả cho Ngân hàng Nhà nước và Bộ Nông trường biết.

Hà-nội, ngày 12 tháng 2 năm 1963

Bộ Nông trường	Ngân hàng Nhà nước Việt nam
K.T. Bộ trưởng Thủ trưởng	K.T. Tổng giám đốc Phó Tổng giám đốc
NGUYỄN VĂN TRÍ	TRẦN DUONG

## CÁC BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

**CHỈ THỊ số 05-VP-N-20 hướng dẫn cho vay thu nợ đối với Nông trường Quốc doanh trong khi được xét duyệt và cấp phát vốn lưu động định mức năm 1963.**

Tiếp công văn số 291 ngày 28-12-1962 của Ngân hàng trung ương về việc hướng dẫn tham gia xây dựng và xét duyệt định mức vốn lưu

động đối với Nông trường, Ngân hàng trung ương hướng dẫn thêm một số điểm về cho vay thu nợ đối với Nông trường khi Nông trường được xét duyệt và cấp vốn lưu động định mức năm 1963.

Theo định mức mới của Nông trường trong năm 1963 thì có một số khoản trước không được định mức mà nay được tính toán để định mức như chi phí chăn nuôi, vốn thanh toán v.v... một số khoản không phải tính theo quý thấp nhất mà tính theo bình quân bốn quý như một phần chi phí sản xuất, đàn súc vật nuôi lớn nuôi béo v.v... Việc định mức cho dự trữ cũng nhằm đảm bảo một phần dự trữ cho kiến thiết cơ bản (phần trồng trọt) của Nông trường. Do đó mà biện pháp cho vay thu nợ đối với nông trường phải bổ sung cho thích hợp.

Cách cho vay, thu nợ trong định mức và trên định mức vẫn áp dụng theo thể lệ biện pháp đã ban hành, nhưng cần chú ý mấy điểm:

### 1. Cho vay:

a) *Cho vay trong định mức*: Các khoản mục được định mức vốn lưu động của Nông trường chia làm ba khâu: dự trữ, chi phí đang sản xuất và lưu thông. Trước đây Ngân hàng tính chung toàn bộ định mức để cho vay, trong định mức, năm nay để theo dõi việc sử dụng vốn định mức của Nông trường được tốt hơn, việc cho vay trong định mức đối với Nông trường phải theo từng khâu một.

Cách cho vay như trên còn cho phép Nông trường được sử dụng lẫn lộn các khoản định mức trong từng khâu, nghĩa là có thể lấy số vốn định mức cho loại này sử dụng cho loại khác trong cùng một khâu (các loại trong khâu dự trữ được dùng trong khâu chi phí sản xuất; các loại trong khâu chi phí sản xuất được dùng trong khâu chi phí sản xuất v.v...), *nhưng nông trường không được dùng vốn định mức của khâu này dùng vào khâu khác* (không được dùng vốn định mức của khâu dự trữ cho khâu chi phí sản xuất, khâu lưu thông hay ngược lại).

Khi tính toán cho vay trong định mức, Ngân hàng không căn cứ vào toàn bộ định mức thực tế của Nông trường mà chỉ căn cứ vào định mức thực tế từng khâu để so sánh với mức vốn tiêu chuẩn của khâu đó. Nếu trong ba khâu có khâu nào hụt định mức thì Ngân hàng cũng không cho vay hết 30% vốn trong định mức đối với khâu đó. Mặc dù các khâu khác có vượt định mức.

Sau đây là một ví dụ đơn giản về tình hình định mức của Nông trường và cách giải quyết cho vay trong định mức của Ngân hàng:

CÁC LOẠI ĐỊNH MỨC	Định mức kế hoạch	70% Nhà nước cấp	30% Ngân hàng cho vay trong định mức	Thực tế về định mức của Nông trường	Cách giải quyết cho vay của Ngân hàng
<b>DỰ TRỮ</b>					
— Hạt giống	5.000	3.500	1.500	3.000	
— Phân bón	8.000	5.600	2.400	12.000	
.....					
— Vật RTM hỏng	5.000	3.500	1.500	25.000	
Cộng khâu dự trữ	30.000	21.000	9.000	70.000	Ngân hàng cho vay đủ 9.000 trong định mức
<b>Chi phí đang sản xuất</b>					
— Trồng trọt	120.000	84.000	36.000	100.000	
— Chăn nuôi	40.000	28.000	12.000	50.000	
— Chế biến	50.000	35.000	15.000	40.000	
.....					
Cộng khâu chi phí	300.000	210.000	90.000	230.000	Ngân hàng chỉ cho vay 20.000 trong định mức
<b>Thành phẩm</b>					
Thành phẩm để bán	6.000	4.200	1.800	15.000	
Thành phẩm để dùng	9.000	6.300	2.700	25.000	
.....					
Cộng khâu lưu thông	20.000	14.000	6.000	60.000	Ngân hàng cho vay đủ 6.000 trong định mức
<b>Cộng toàn bộ :</b>	<b>350.000</b>	<b>245.000</b>	<b>105.000</b>	<b>360.000</b>	<b>35.000 đ</b>

Đối với trường hợp trên, nếu tính toàn bộ định mức thực tế của Nông trường thì số tiền Ngân hàng cho vay trong định mức là 105.000đ, vì Nông trường đã thực hiện trên định mức kế hoạch. Nhưng vì cho vay từng khâu, nên về khâu dự trữ và khâu lưu thông Ngân hàng cho vay đủ phần 30% vốn định mức, còn về khâu chi phí đang sản xuất thì vì hụt định mức, nên Ngân hàng chỉ cho vay 20.000đ (230.000đ—210.000đ (mà không cho vay cả 90.000đ để bù cho các khâu khác vượt định mức.

Những khâu vượt định mức, Ngân hàng sẽ xét nếu hợp lý và cần thiết (đúng đối tượng, có kế hoạch trước cho các khoản đó) thì Ngân hàng sẽ cho vay trên định mức.

Việc cho vay trong định mức năm nay phải căn cứ theo tình hình định mức thực tế từng khâu trong từng thời gian mà cho vay nhất thiết không cho vay một lần toàn bộ 30% vốn trong định mức như nhiều nơi đã làm trước đây.

Do việc cho vay như trên nên việc thu nợ trong định mức cũng tiến hành theo từng khâu. Nếu một khâu nào đó trước đã cho vay trong định mức, nay mức hụt xuống thì Ngân hàng thu hồi nợ trong định mức của khâu đó về.

#### b) Cho vay trên định mức :

Theo định mức của Nông trường hiện nay nếu tính đầy đủ thì có 19 khoản (vì có nông trường không có đủ tất cả các khoản định mức như hướng dẫn; xem bảng hướng dẫn định mức của Nông trường). Trong 19 khoản ấy

Ngân hàng không cho vay trên định mức các khoản sau :

- Về dự trữ: Vật rẻ tiền mau hỏng
- Về khâu lưu thông; Vốn thanh toán (nếu có).

Do đó khi cho vay trên định mức, ta không tính phần vượt định mức của các khoản đó vào vật tư làm đảm bảo.

Đối với vốn thanh toán cần chú ý : Định mức vốn thanh toán có hai phần :

— Phần tạm ứng cho công nhân mới tuyển, phần này dứt khoát Ngân hàng không cho vay trên định mức;

— Phần tạm ứng tiền mua hàng chỉ định mức đối với một số Nông trường mà việc vận chuyển có nhiều khó khăn, hàng nằm trên đường lâu ngày chưa nhập kho được. Đối với phần này về nguyên tắc Ngân hàng cũng không cho vay trên định mức. Nhưng khi xét cho vay trên định mức về dự trữ của Nông trường, cần chú ý đến các vật tư còn nằm trên đường đi (nếu có) để cộng vào số vật tư dự trữ của Nông trường được tính làm đảm bảo.

Khi cho vay trên định mức phải căn cứ vào kế hoạch dự trữ, sản xuất trên định mức của Nông trường mà cho vay, phần vượt định mức ngoài kế hoạch sẽ xét và nếu cần thiết thì cho vay riêng theo nhu cầu tạm thời, không nên cho vay vượt định mức chung kể cả trong kế hoạch và ngoài kế hoạch vào một loại.

Ví dụ: kế hoạch dự trữ phân bón của Nông trường trong quý II 1963 là 50.000đ; định mức của phân là 20.000đ. Nhưng khi dự trữ thực tế của Nông trường là 65.000đ (do nông trường không lường trước được sự vận chuyển phân của cơ quan cung cấp phân) nên Ngân hàng cho vay 30.000đ trên định mức trong kế hoạch (50.000đ - 20.000đ); còn 15.000đ nếu xét cần thì Ngân hàng sẽ cho vay về nhu cầu tạm thời, mà không cho vay cả 45.000đ (30.000đ + 15.000đ) làm một khoản trên định mức.

**Cho vay chi phí chế biến:** Theo hướng của Bộ Nông trường thì năm nay việc chế biến của Nông trường nhằm thô chế những nông sản của Nông trường để bảo quản tốt và giao nộp cho Nhà nước, hoặc chế biến thức ăn cho gia súc và chế biến phân là chính. Đối với loại này thì Ngân hàng cho vay như trước. Còn đối với các loại chế biến công nghiệp và chế biến khác thì mặc dù có ghi trong kế hoạch của Nông trường và được định mức vốn và cấp vốn lưu động nhưng nếu nguồn cung cấp nguyên liệu không đầy đủ, kỹ thuật chế biến kém, sản phẩm xấu, giá thành cao, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được thì Ngân hàng không cho vay.

**Về chi phí chờ phân bổ:** Đối với loại này Ngân hàng chỉ cho vay phần phân bổ trong năm kế hoạch, phần còn lại năm sau thì nông trường đã được cấp vốn định mức. Do đó khi cho vay chi phí nếu thấy loại này lên cao, cần đôn đốc Nông trường phân bổ kịp thời để đến cuối năm không còn nợ trên định mức về loại này. Nếu cuối năm kế hoạch Nông trường còn có số dư vượt định mức thì Ngân hàng sẽ chuyển phần vượt định mức sang nợ quá hạn và tính lãi cao lên trong thời gian chưa trả hết nợ.

#### Về lỗ của Nông trường:

— Đối với lỗ trong kế hoạch thì Nông trường phải có kế hoạch lỗ cụ thể để xin cấp vốn bù lỗ kịp thời, Ngân hàng không cho vay;

— Đối với lỗ ngoài kế hoạch do bản thân Nông trường gây ra thì Nông trường phải xin Bộ Nông trường cấp bù lỗ, Ngân hàng cũng không cho vay. Nông trường muốn được vay khoản này phải do Bộ Nông trường đề nghị và Ngân hàng trung ương giải quyết.

Trường hợp Nông trường bị lỗ do thiên tai thì trong khi chờ đợi quyết toán và xin cấp bù lỗ. Ngân hàng có thể cho Nông trường vay để khôi phục và tiếp tục sản xuất, nhưng đồng thời phải đôn đốc Nông trường quyết toán để xin cấp vốn bù lỗ trả nợ Ngân hàng.

Việc cho vay trong định mức và trên định mức như trên đòi hỏi phải theo dõi tình hình cho vay thu nợ thường xuyên hàng tháng để

điều chỉnh nợ. Đối với nông trường có kế toán khá thì điều chỉnh hàng tháng. Đối với những nông trường kế toán kém thì mỗi quý phải kiểm tra để điều chỉnh nợ cho vay trong định mức và trên định mức một lần.

Nông trường phải gửi đều đặn cho Ngân hàng bảng tổng kết tài sản hay bảng cân đối tài khoản hàng tháng và hàng quý. Trường hợp nông trường cần vay tiền mà chưa làm kịp bảng tổng kết tài sản hay bảng cân đối tài khoản thì ít nhất Nông trường cũng phải có bảng sao kê tình hình thực hiện các loại định mức đến ngày vay tiền để Ngân hàng xét cho vay, nhưng sau đó khi nông trường làm xong bảng tổng kết, tài sản hay bảng cân đối tài khoản thì phải gửi đến Ngân hàng để đối chiếu lại.

Nếu Nông trường không có các tài liệu trên thì Ngân hàng không có cơ sở để xét điều chỉnh nợ và cho vay được, khi tính toán cho vay cũng là dịp kiểm tra để điều chỉnh nợ. Cần xét và giải quyết việc cho vay thu nợ trong định mức trước rồi mới xét đến việc cho vay thu nợ trên định mức.

Ví dụ: Lấy khâu dự trữ của ví dụ trước để giải quyết cho vay trong và trên định mức. Toàn bộ khâu dự trữ thực tế là 70.000đ Ngân hàng cho vay trong định mức là 9.000đ (30% của 30.000đ vốn định mức kế hoạch), sau đó mới xét đến các khoản trên định mức. Về phân bón vượt định mức 4.000đ thuộc đối tượng cho vay của Ngân hàng, nếu Nông trường có kế hoạch trước thì Ngân hàng cho vay trên định mức trong kế hoạch, nếu Nông trường không có kế hoạch trước và nếu xét cần thì Ngân hàng cho vay về nhu cầu tạm thời. Về vật rẻ tiền mau hỏng, tuy Nông trường vượt định mức là 20.000đ, nhưng không thuộc đối tượng cho vay nên Ngân hàng không giải quyết.

Việc tính phần "nợ định mức" vào vốn lưu động tự có và coi như tự có của nông trường từ nay thống nhất lấy số "nợ định mức" kế hoạch mà không lấy số "nợ định mức" thực tế của nông trường. Do đó Ngân hàng phải nắm được số "nợ định mức" kế hoạch của nông trường.

#### 2. Thu nợ:

a) **Đối với nợ mới cho vay:** Đối với nợ mới cho vay thì việc thu hồi nợ vẫn tiến hành như đã hướng dẫn trong biện pháp, nghĩa là nợ cho vay về dự trữ phải thu hồi khi vật tư dự trữ giảm xuống, nợ về chi phí sản xuất thì thu hồi sau vụ thu hoạch. Nhưng điểm chủ yếu là phải chấp hành đúng tinh thần trên. Khi kiểm tra thấy vật tư giảm xuống thì nhất thiết phải

tiến hành thu hồi nợ ấy về, nếu loại vật tư đó được dùng vào sản xuất mà loại sản xuất đã dùng số vật tư đó đã vượt mức tiêu chuẩn thì có thể cho vay chi phí sản xuất trên mức tiêu chuẩn để thu hồi nợ dự trữ vật tư đã dùng.

Về nợ chi phí sản xuất cũng vậy, sau khi nông trường thu hoạch sản phẩm và bán sản phẩm thì nhất thiết phải thu nợ về. Nếu Nông trường không bán sản phẩm mà cần giữ lại để dùng hoặc để chế biến thì cũng phải xét có thể cho vay về dự trữ để thu nợ về chi phí sản xuất.

Đối với sản phẩm để bán cho công nhân trong Nông trường thì khi có dự trữ vượt mức, Ngân hàng vẫn cho vay, nhưng hàng tháng Nông trường phải có báo cáo về phần sản phẩm đã xuất bán hoặc ứng trước cho công nhân trong Nông trường trong tháng để Ngân hàng thu hồi nợ về khi phát tiền lương cho Nông trường.

Trường hợp nợ thiếu vật tư đảm bảo đồng thời không thể xét cho vay được thì nhất thiết phải thu nợ về. Nếu trên tài khoản thanh toán không có tiền thì phải chuyển qua nợ quá hạn kịp thời và tiến hành thu dần nợ về, không để kéo dài tình trạng thiếu vật tư đảm bảo như từ trước đến nay.

*b) Đối với nợ cũ:* Vì trước đây việc kiểm tra sử dụng vốn vay của nông trường chưa chặt chẽ nên một phần vốn vay Ngân hàng bị sử dụng sai mục đích, như dùng vào kiến thiết cơ bản, bù đắp lỗ, chi ngoài giá thành dùng vốn trong kế hoạch cho kinh doanh sản xuất ngoài kế hoạch v.v... Do đó mà phần lớn Nông trường có vay tiền Ngân hàng đều có nợ quá hạn và nợ thiếu vật tư đảm bảo.

Năm nay, đi đôi với việc cấp vốn bổ sung vốn lưu động cho các nông trường theo định mức mới, Nhà nước cũng sẽ cấp các khoản chi trên cho các Nông trường, cho nên chúng ta cũng phải có kế hoạch thanh toán các khoản nợ ấy kịp thời.

Việc tính toán thu hồi các khoản nợ ấy phải căn cứ vào bảng tổng kết tài sản và bảng kiểm kê đánh giá tài sản cuối năm.

— Đối với nợ cho vay về dự trữ thì căn cứ vào giá trị thực tế tồn kho trên bảng kê để tính vật tư đảm bảo;

— Đối với nợ cho vay về chi phí trồng trọt, chế biến, chăn nuôi, sản xuất phụ, kinh doanh ngoài nông nghiệp cũng căn cứ vào giá trị thực tế còn lại khi kiểm kê mà tính, không tính theo con số ghi trong sổ sách của Nông trường. Ví dụ: về dự trữ theo sổ sách của Nông trường ghi là 40.000đ; nhưng khi kiểm kê thì còn đến 70.000đ thì Ngân hàng cũng tính cho 70.000đ; về giá trị

dần bỏ ghi trong sổ sách là 300.000đ nhưng khi kiểm kê đánh giá chỉ còn 250.000đ thì ta chỉ tính 250.000đ thôi.

Cách tính là lấy giá thực tế ở bảng kiểm kê trừ số vốn định mức của nông trường về loại đó rồi đối chiếu với số nợ vay Ngân hàng. Nếu nông trường có thừa vật tư đảm bảo thì đối chiếu với kế hoạch có thể xét cho vay thêm. Nếu thiếu vật tư thì tiến hành thu nợ về.

— Đối với số vốn thiếu vật tư đảm bảo do Nông trường sử dụng cho kiến thiết cơ bản khi Nông trường được cấp vốn cơ bản Ngân hàng sẽ thu hồi khoản nợ ấy về;

— Đối với các khoản chi ngoài giá thành, bù đắp lỗ thì khi Bộ cấp các khoản vốn đó, Ngân hàng sẽ thu nợ;

— Việc tổ chức sản xuất kinh doanh ngoài kế hoạch của nông trường năm nay được đưa vào trong kế hoạch nên đối với nợ vay mua thiết bị thì khi Nhà nước cấp thêm vốn cố định, Ngân hàng sẽ thu nợ về phần đó. Đối với nợ vay về chi phí sản xuất ngoài kế hoạch thì tính gộp chung vào chi phí trong kế hoạch của Nông trường và khi Nhà nước cấp bổ sung vốn lưu động, Ngân hàng sẽ thu nợ.

Trật tự thu nợ là thu nợ thiếu vật tư đảm bảo trước rồi thu đến nợ quá hạn.

Khi các khoản cấp phát của Nhà nước không đủ trả hết nợ thiếu vật tư đảm bảo của Ngân hàng thì Ngân hàng chuyển số còn lại sang nợ quá hạn và khi nào ở tài khoản thanh toán của Nông trường có tiền, Ngân hàng sẽ tiếp tục thu đến hết nợ.

Việc cho vay đối với những Nông trường mà sau khi Nhà nước cấp đủ các loại vốn phải cấp rồi mà vẫn còn nợ thiếu vật tư đảm bảo của Ngân hàng, thì phải có ý kiến của Ngân hàng trung ương mới được giải quyết.

Việc thanh toán các khoản nợ trên tiến hành từ khi được Bộ bắt đầu cấp phát vốn năm 1963 cho các Nông trường. Nhưng để chiếu cố cho một số Nông trường có nhiều khó khăn về vốn hiện nay, Ngân hàng trung ương đồng ý với đề nghị của Bộ Nông trường và Bộ Tài chính chưa thu nợ đối với các Nông trường ấy trong kỳ cấp phát lần này, (có công văn riêng quy định cho các Nông trường chưa phải trả nợ Ngân hàng trong kỳ cấp phát này).

Những nông trường này đến kỳ cấp phát sau cũng phải thi hành như đối với các nông trường khác khi có cấp phát vốn.

Việc thanh toán nợ lần này không những thu hồi hết các khoản nợ thiếu vật tư đảm bảo, làm cho tiền tệ gắn liền với vật tư, mà còn làm cho tình hình tài vụ của Nông trường

được rõ ràng rành mạch, làm cơ sở cho việc quản lý tài vụ của Nông trường đi vào nề nếp.

Đề làm tốt công tác cho vay thu nợ đối với nông trường trong năm nay, các Chi nhánh, Chi điểm cần chú ý mấy điểm sau :

— Tham gia vào việc kiểm kê đánh giá tài sản cuối năm của Nông trường.

Việc kiểm kê đánh giá tài sản cuối năm là do Nông trường làm, nhưng cán bộ Ngân hàng cũng cần tham gia vào mấy khâu chủ yếu thuộc về vốn sản xuất kinh doanh của Nông trường như *dự trữ vật tư, đàn súc vật nuôi lớn nuôi béo, một số loại cây trồng chính* để biết tình hình cụ thể, đồng thời phải theo dõi toàn bộ giá trị tài sản lưu động sau kiểm kê, đối chiếu với vốn của Nông trường và vốn vay của Ngân hàng để làm cơ sở cho việc thu hồi các khoản nợ.

— Giúp cho Nông trường hoàn thành tốt và kịp thời bằng lòng kết tài sản cuối năm 1962 đề trên cơ sở đó xác định lại các loại vốn của Nông trường và vốn vay của Ngân hàng để làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch tài vụ năm 1963 của Nông trường ;

— Tham gia vào việc xây dựng định mức vốn lưu động 1963 của Nông trường trên tinh thần triệt để tiết kiệm vốn Nhà nước đồng thời đủ vốn cho Nông trường hoạt động, thảo luận với Nông trường biện pháp thu hồi các khoản nợ cũ và cùng với Nông trường xây dựng kế hoạch vay trả năm 1963 phù hợp với yêu cầu vốn kinh doanh sản xuất của Nông trường.

Năm nay, ngoài việc bổ sung bổ khuyết một số điểm về cho vay và thu nợ phù hợp với việc thay đổi một số điểm về định mức vốn lưu động đối với Nông trường, nói chung việc cho vay tương đối chặt chẽ hơn, thu nợ phải kịp thời hơn. Nhất là việc thanh toán các khoản nợ cũ, sẽ gặp nhiều khó khăn vì hoàn cảnh hiện nay của Nông trường, cho nên cán bộ tín dụng Nông trường cần phải có một sự cố gắng lớn, phải tích cực đi sâu vào các mặt công tác của Nông trường, nắm chắc tình hình tài vụ để có biện pháp giải quyết từng vấn đề một để không trở ngại đến sản xuất của Nông trường đồng thời có tác dụng củng cố một bước chế độ hoạch toán kinh tế của Nông trường.

Phải thực hiện đầy đủ các điểm hướng dẫn trên đây thì công tác tín dụng của chúng ta mới bước đầu kết hợp được với công tác tiền tệ, đồng thời mới phát huy tác dụng đối với hoạt động kinh doanh sản xuất của Nông trường.

Trong khi thi hành, có gặp khó khăn gì, phản ánh về Ngân hàng trung ương nghiên cứu giải quyết.

Hà-nội, ngày 13 tháng 2 năm 1963

K.T. Tổng giám đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt nam

Phó Tổng giám đốc

VŨ DUY HIỆU

### TỔNG CỤC THỦY SẢN

#### THÔNG TƯ số 2-TS-TT quy định thống nhất chế độ trang bị phòng hộ lao động.

Kính gửi :

- Các Sở, Ty Thủy sản các tỉnh
- Các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh
- Các trường trung cấp thủy sản trung ương và địa phương
- Trường kỹ thuật cơ khí hàng hải
- Các trạm nghiên cứu, trạm vật tư.

Ngành thủy sản mới thành lập, nhưng sự phát triển sản xuất rất phức tạp, mang nhiều tính chất công tác khác nhau như khai thác cá biển, cơ khí tàu thuyền, chế biến thủy sản, thu mua phân phối thực phẩm nguyên vật liệu mà nhất là nghề đánh cá ngoài biển khơi, thường xuyên lưu động trên mặt biển chịu đựng với thời tiết thiên nhiên, sóng gió bất ngờ nặng nhọc và nguy hiểm. Trong điều kiện làm việc cũng gặp nhiều khó khăn, vì chế độ phòng hộ lao động chưa được ban hành đầy đủ và thống nhất trong ngành, do đó cũng làm trở ngại cho các cơ sở xí nghiệp trong việc lập kế hoạch bảo hộ lao động và dự trữ mua sắm dụng cụ phòng hộ hàng năm để trang bị cho công nhân sản xuất. Mặt khác việc quy định phân công trách nhiệm của các bộ môn chưa được rõ ràng, trách nhiệm bảo quản, sử dụng các dụng cụ phòng hộ lao động chưa có kế hoạch chu đáo, nên việc chấp hành các nội quy chưa được nghiêm chỉnh.

Căn cứ theo tinh thần thông tư số 13-LĐ-TT ngày 20-6-1962 của Bộ Lao động đã quy định các nguyên tắc cấp phát, sử dụng, bảo quản dụng cụ phòng hộ lao động ;

Căn cứ theo nghề nghiệp của ngành thủy sản hiện nay và phát triển sản xuất sắp đến, đề